

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/DS-ST
Ngày: 03/4/2026
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín
dụng; hợp đồng thế chấp tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quang và ông Nguyễn Mạnh
Quân;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thái Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân Khu
vực 15 – Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng tham gia
phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Trâm;

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm
Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 110/2025/TLST-DS ngày
07 tháng 8 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; hợp đồng thế
chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-DS
ngày 04 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2026/QĐ-DS
ngày 04/3/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 266-268 đường N, phường X, Tp. H

Đại diện hợp pháp:

Ông Nguyễn H1, sinh năm 1971 (*Có mặt*)

Địa chỉ thường trú: 427 đường K, phường T, Tp. H

Địa chỉ liên hệ: 25 đường T, phường P, tỉnh L. Theo Quyết định ủy quyền
số 718/2026/QĐ-PC ngày 03/3/2026.

- Bị đơn: Ông Trương Thế N, sinh năm 1989 (*Có mặt*)

Bà Võ Thị Diệp Nh, sinh năm 1992 (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã S1, tỉnh L

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962 (*Có mặt*)

Bà **Trương Thị Thảo Ng**, sinh năm 1984 (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã S1, tỉnh L

Ông **Phan Quốc H1**, sinh năm 1985 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp Q, xã X1, TP. H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên toà, Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP S (*Viết tắt là Ngân hàng*) trình bày: Ngày 21/12/2023, Ngân hàng và ông Trương Thế N ký kết hợp đồng tín dụng số 202327353809 hạn mức cấp tín dụng là 1.450.000.000đ thời hạn là 12 tháng. Ngày 13/12/2024, các bên ký kết thoả thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01 để tái tục thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng số 202327353809. Theo đó, hạn mức cấp tín dụng là 1.450.000.000đ, thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán keo gỗ trầm. Lãi suất tại thời điểm bắt đầu là 11%/năm kể từ ngày ký thoả thuận, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được áp dụng theo mức lãi suất cơ sở cộng 3.3% biên độ và được S quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Lãi trả hàng tháng vào ngày 22, gốc trả cuối kỳ. Đến ngày đến hạn của hợp đồng, bên được cấp tín dụng phải trả hết nợ vay bao gồm nợ gốc, lãi và các chi phí có liên quan. Thực hiện thoả thuận, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.450.000.000đ cho ông Nhân, bà Nhi vào ngày 18/12/2024. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, bên thứ ba là bà Nguyễn Thị T1 đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 010/LG/2022/TC ngày 13/01/2022; Thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-010/LG/2022/TC ngày 21/12/2023 và cam kết thế chấp ngày 13/12/2024 với Ngân hàng, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 17/8/2000, cấp nhật biến động sang tên bà T1 ngày 09/9/2019 và toàn bộ tài sản trên đất. Sau khi vay, ông N, bà Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi kể từ ngày 23/01/2025. Tính đến ngày 03/4/2026, ông N và bà Nh còn nợ lại số tiền gốc là 1.450.000.000đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 110.499.976đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 69.480.822đ, lãi chậm trả tính đến ngày 03/4/2026 là 7.600.981đ

Ngoài ra, bà Võ Thị Diệp Nh còn ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/10/2022, hạn mức tín dụng được phê duyệt là 200 triệu đồng, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 26,6%/năm. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nhi các khoản vay:

+ Khoản vay tiêu dùng 211251-7759 theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD 0000497939 ngày 05/6/2024, số tiền vay 50.000.000đ, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 1,4%/tháng, số thẻ 211251-7759. Khoản vay này bà Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 25/02/2025. Tính đến ngày 03/4/2026, bà Nh còn nợ lại 39.250.661đ tiền gốc; lãi, phí là 16.511.689đ. Tổng dư nợ là 55.762.350đ

+ Khoản vay tiêu dùng 211251-4525 theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD 0000500381 ngày 10/6/2024, số tiền vay 45.000.000đ, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất 1,4%/tháng, số thẻ 211251-4525. Khoản vay này bà Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 25/02/2025. Tính đến ngày 03/4/2026, bà Nh còn nợ lại 35.345.000đ tiền gốc; lãi, phí là 14.868.752đ. Tổng dư nợ là 50.213.752đ

+ Khoản vay tiêu dùng 211251-6255 theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD 0000638000 ngày 29/11/2024, số tiền vay 28.000.000đ, kỳ hạn 18 tháng, lãi suất 1,4%/tháng, số thẻ 211251-6255. Khoản vay này bà Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 25/02/2025. Tính đến ngày 03/4/2026, bà Nh còn nợ lại 28.724.435đ tiền gốc; lãi, phí là 11.921.857đ. Tổng dư nợ là 40.646.292đ

+ Khoản vay tiêu dùng 211251-4740 theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm giấy nhận nợ số LD 0000685817 ngày 25/01/2025, số tiền vay 6.000.000đ, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 1,4%/tháng, số thẻ 211251-4740. Khoản vay này bà Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 25/02/2025. Tính đến ngày 03/4/2026, bà Nh còn nợ lại 6.740.000đ tiền gốc; lãi, phí là 2.296.992đ. Tổng dư nợ là 9.036.992đ

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/12/2025 Ngân hàng trình bày: Ông Trương Thế N còn ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/5/2022, hạn mức tín dụng được phê duyệt là 40.000.000đ, lãi suất tại thời điểm làm thẻ là 26,6%. Ngày 08/11/2022, Ngân hàng phê duyệt nâng hạn mức tín dụng lên 200.000.000đ. Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nhân khoản vay theo số thẻ 356480-1966. Ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 15/02/2025. Tính đến ngày 03/4/2026, ông N còn nợ lại 55.951.244đ tiền gốc; lãi, phí là 21.883.882đ. Tổng dư nợ là 77.835.126đ

Hiện nay, Ngân hàng yêu cầu ông N và bà Nh phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.871.076.291đ, cụ thể:

+ Theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01: Số tiền gốc là 1.450.000.000đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 110.499.976đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 69.480.822đ, lãi chậm trả tính đến ngày 03/4/2026 là 7.600.981đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000497939: Số tiền gốc là 39.250.661đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 11.007.793đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 5.503.896đ.

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000500381: Số tiền gốc là 35.345.000đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 9.912.501đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 4.956.251đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000638000: Số tiền gốc là 28.724.435đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 7.947.905đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 3.973.952đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000685817: Số tiền gốc là 6.740.000đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 1.531.328đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 765.664đ

+ Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2022: Số tiền gốc là 55.951.244đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 14.589.255đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 7.294.627đ

Ông Trương Thế N, bà Võ Thị Diệp Nh còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng mà các bên đã ký kết kể từ ngày tiếp theo ngày 03/4/2026 cho đến khi tất nợ;

Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Trường hợp ông N, bà Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01 ngày 13/12/2024 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2022 cho Ngân hàng TMCP S, thì Ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 17/8/2000, cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Thị T1 ngày 09/9/2019 và toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ. Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán khoản nợ nêu trên thì ông N, bà Nh phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến khi thanh toán tất nợ cho Ngân hàng.

- *Bị đơn ông N trình bày:* Thống nhất với trình bày của Ngân hàng. Đồng ý liên đới cùng bà Nh thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.871.076.291đ, cụ thể:

+ Theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01: Số tiền gốc là 1.450.000.000đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 110.499.976đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 69.480.822đ, lãi chậm trả tính đến ngày 03/4/2026 là 7.600.981đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000497939: Số tiền gốc là 39.250.661đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 11.007.793đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 5.503.896đ.

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000500381: Số tiền gốc là 35.345.000đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 9.912.501đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 4.956.251đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000638000: Số tiền gốc là 28.724.435đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 7.947.905đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 3.973.952đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000685817: Số tiền gốc là 6.740.000đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 1.531.328đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 765.664đ

+ Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/5/2022: Số tiền gốc là 55.951.244đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 14.589.255đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 7.294.627đ

Ông Trương Thê N đồng ý tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng mà các bên đã ký kết kể từ ngày tiếp theo ngày 03/4/2026 cho đến khi tất nợ; Trường hợp ông N, bà Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01 ngày 13/12/2024 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/5/2022 cho Ngân hàng TMCP S, thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 17/8/2000, cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Thị T1 ngày 09/09/2019 và toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ. Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông N đồng ý tiếp tục liên đới cùng bà Nh thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến khi thanh toán tất nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T1 trình bày: Thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng và ông N, bà Nh. Quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 thuộc quyền sở hữu của bà. Trên đất có tài sản 02 căn nhà, hàng rào là của bà, các tài sản còn lại là của vợ chồng ông N. Trường hợp ông N, bà Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01 ngày 13/12/2024 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/5/2022 cho Ngân hàng TMCP S, thì bà đồng ý để Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 17/8/2000, cập nhật biến động sang tên bà ngày 09/09/2019 và toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Nh vắng mặt tại phiên toà, nhưng trong quá trình giải quyết đã có lời khai trình bày ý kiến thống nhất với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Đồng ý cùng ông N liên đới thanh toán nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng là 1.616.011.340đ và tiền lãi phát sinh, đồng ý tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng mà các bên đã ký kết cho đến khi tất nợ. Trường hợp ông N, bà Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ, thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 17/8/2000, cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Thị T1 ngày 09/09/2019 và toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ. Sau khi phát mãi tài sản bảo đảm mà không đủ thanh toán hết

khoản nợ thì bà Nh đồng ý tiếp tục liên đới cùng ông N thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho đến khi thanh toán tất nợ cho Ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ng vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã có ý kiến trình bày thống nhất với yêu cầu của Ngân hàng. Bà xác định quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 toạ lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 thuộc quyền sở hữu của bà T1. Trên đất có tài sản 02 căn nhà là của bà T1, quán nhậu và cây trồng trên đất là của vợ chồng ông N. 02 căn nhà trên đất thì có 01 căn do bà đang quản lý sử dụng, 01 căn do bà T1 và vợ chồng ông N đang quản lý, sử dụng. Trường hợp ông N, bà Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, thì bà đồng ý để Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 toạ lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 17/8/2000, cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Thị T1 ngày 09/09/2019 và toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Quốc H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến gửi cho Toà án.

Quá trình giải quyết, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 toạ lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 17/8/2000, cập nhật biến động sang tên ngày 09/09/2019, kết quả thể hiện:

+ Diện tích đất có ranh giới là hàng rào tường xây gạch có trát, trên có gắn khung sắt cao trên 1,5m và hàng rào gạch tấp lô

+ Trên đất có tài sản là 02 căn nhà 01 tầng do bà T1 xây dựng, trong đó 01 căn do bà Trương Thị Thảo Ng đang sử dụng; 01 căn nhà còn lại do bà Tươi, ông N, bà Nh đang sử dụng; 05 nhà tạm móng đá mái lợp tôn tường xây gạch nền xi măng; 03 chuồng heo; 02 nhà vệ sinh; 04 chòi lá trụ gỗ nền gạch; 05 mái che khung sắt tiền chế bằng tôn có trụ; 01 vòm che mái lợp tôn tường gạch không trát; 02 cây cảnh lai; 05 cây sao; 09 cây bàng thái lan; 02 bụi tre; 08 cây xà cừ; 16 cây dừa; 04 cây mai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; ông H chưa thực hiện đúng quy định; Ông H chưa thực hiện đúng quy định; Các đương sự còn lại đã thực hiện đúng quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 1.871.076.291đ (Một tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi một đồng) bao gồm 1.616.011.340đ (Một tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, không trăm mười một nghìn, ba trăm bốn mươi đồng) nợ gốc và lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 201.809.305đ (Hai trăm lẻ một triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, ba trăm lẻ năm đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 53.255.646đ (Năm mươi ba triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng). Ông N, bà Nh còn phải chịu lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng mà các bên đã ký kết kể từ ngày tiếp theo ngày 03/4/2026 cho đến khi tất nợ; Trường hợp Ông N, bà Nh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01 ngày 13/12/2024 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2022 cho Ngân hàng TMCP S, thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 17/8/2000, cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Thị T1 ngày 09/9/2019 và toàn bộ tài sản hình thành trên đất để thu hồi nợ. Đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng TMCP S yêu cầu bị đơn phải thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng; yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ nên quan hệ tranh chấp trong vụ án cần được điều chỉnh lại là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn H, xã S, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Lâm Đồng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025;

[3] Tại phiên tòa, ông Phan Tấn H, bà Võ Thị Diệp Nh, bà Trương Thị Thảo Ng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Ngân hàng yêu cầu ông N và bà Nh phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.871.076.291đ, cụ thể:

+ Theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01: Số tiền gốc là 1.450.000.000đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 110.499.976đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 69.480.822đ, lãi chậm trả tính đến ngày 03/4/2026 là 7.600.981đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000497939: Số tiền gốc là 39.250.661đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 11.007.793đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 5.503.896đ.

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000500381: Số tiền gốc là 35.345.000đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 9.912.501đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 4.956.251đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000638000: Số tiền gốc là 28.724.435đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 7.947.905đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 3.973.952đ

+ Theo hợp đồng tín dụng số LD 0000685817: Số tiền gốc là 6.740.000đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 1.531.328đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 765.664đ

+ Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/5/2022: Số tiền gốc là 55.951.244đ, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 14.589.255đ, lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là 7.294.627đ

Chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện là các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bị đơn thừa nhận có vay tiền của Ngân hàng, bắt đầu từ ngày 22/01/2025 thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán, và còn nợ số tiền 1.871.076.291đ tính đến ngày 03/4/2026 như yêu cầu của Ngân hàng. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Đồng thời, mức lãi suất Ngân hàng áp dụng phù hợp với thỏa thuận các bên đã ký kết, phù hợp với thời điểm vi phạm nghĩa vụ và quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Do đó, có căn cứ để xác định tính đến ngày 03/4/2026, bị đơn còn nợ Ngân hàng số nợ gốc và lãi của các hợp đồng tín dụng là 1.871.076.291đ (Một tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi một đồng). Ngoài ra, bị đơn thừa nhận các khoản vay trên, có những khoản vay do vợ chồng cùng ký kết, có những khoản vay do cá nhân bà Nh, ông N ký kết, tuy nhiên các khoản vay đều được phục vụ mục đích kinh doanh của vợ chồng và đồng ý cùng liên đới thanh toán cho Ngân hàng. Do đó, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.871.076.291đ (Một tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi một đồng) bao gồm 1.616.011.340đ (Một tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, không trăm mười một nghìn, ba trăm bốn mươi đồng) nợ gốc và 201.809.305đ (Hai trăm lẻ một triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, ba trăm lẻ năm

đồng) tiền lãi trong hạn, 53.255.646đ (Năm mươi ba triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng) lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026.

[5] Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của ông N và bà Nh, bên thứ ba là bà Nguyễn Thị T1 đã ký hợp thế chấp tài sản số 010/LG/2022/TC ngày 13/01/2022; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-010/LG/2022/TC ngày 21/12/2023; Cam kết thế chấp ngày 13/12/2024 cam kết dùng tài sản là quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 toạ lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 17/8/2000, cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Thị T1 ngày 09/09/2019 và toàn bộ tài sản hình thành trên đất để đảm bảo nghĩa vụ tại hợp đồng tín dụng số 202327353809 ngày 21/12/2023; Hợp đồng tín dụng số 202126467110 ngày 13/01/2022 và tất cả các sửa đổi, bổ sung phụ lục hợp đồng, giấy nhận nợ; các cam kết của bên được cấp tín dụng với S dưới hình thức cấp tín dụng theo quy định của pháp luật và các cam kết khác của bên được cấp tín dụng với S. Các nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng với S bao gồm các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai, phát sinh trước thời điểm ký thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp. Hợp đồng thế chấp và thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp đã được công chứng, có hình thức, nội dung, mục đích, quyền và trách nhiệm của các bên phù hợp với quy định tại các Điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự; Nghị định 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ hướng dẫn về giao dịch đảm bảo nên các bên phải thực hiện nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận tại các hợp đồng nêu trên.

[6] Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 Hợp đồng thế chấp tài sản số 010/LG/2022/TC ngày 13/01/2022; Mục 2 Giấy cam kết ngày 13/12/2024 bà T1 cam kết thế chấp toàn bộ diện tích, quyền sử dụng đất, phần diện tích công trình xây dựng trên đất để đảm bảo cho việc thực hiện các nghĩa vụ của bên thế chấp, bên được cấp tín dụng với S, đồng thời thừa nhận tại thời điểm ký cam kết thì một phần và toàn bộ tài sản hình thành trên đất chưa được hoàn tất đầy đủ hồ sơ pháp lý nhưng bà T1 đồng ý vô điều kiện cho S và các bên liên quan hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản trên đất cùng với quyền sử dụng đất để thu hồi nợ. Hiện nay trên đất có nhà, hàng rào do bà T1 xây dựng, các tài sản khác do ông N, bà Nh xây dựng. Bà T1, ông N, bà Nh, bà Ng đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 và toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ; Đối với ông Phan Tân H là chồng của bà Ng, đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến nên được xem là từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự khác cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án, từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở để xác định tài sản đảm bảo nghĩa vụ thanh toán là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 và toàn bộ tài sản trên đất.

[7] Căn cứ vào điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 202327353809 ký kết ngày 21/12/2023; tiểu mục 1, mục 1.1, Điều 1 của Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung

hợp đồng thế chấp số 01-010/LG/2022/TC ngày 21/12/2023; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2022 thì khoản vay 1.450.000.000đ theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01 ngày 13/12/2024 và khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2022 là khoản vay được đảm bảo nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng thế chấp mà bà T1 đã ký kết. Do đó, ngân hàng yêu cầu trong trường hợp, bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01 ngày 13/12/2024 và khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2022 là phù hợp với quy định tại các Điều 299, 323 Bộ luật dân sự; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng nên có căn cứ để chấp nhận.

[8] Đối với hợp đồng tín dụng số LD 0000497939 ngày 05/06/2024; LD 0000500381 ngày 10/6/2024; LD 0000638000 ngày 29/11/2024; LD 0000685817 ngày 25/01/2025 do bà Nh ký kết, tại Điều 3 của tất cả các hợp đồng nêu trên đều thể hiện khoản vay không có tài sản bảo đảm, Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù hợp đồng thế chấp và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01-010/LG/2022/TC ngày 21/12/2023 thể hiện nghĩa vụ được đảm bảo bao gồm các nghĩa vụ phát sinh trong tương lai, tuy nhiên, khi ký kết hợp đồng tín dụng cụ thể đối với các khoản vay nêu trên, thì các bên đã phủ định nội dung của các hợp đồng thế chấp bằng việc thỏa thuận các khoản vay này không có tài sản bảo đảm. Do đó, Ngân hàng xác định các khoản vay này không có tài sản đảm bảo là có căn cứ.

[9] Về án phí, do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Về chi phí tố tụng, quá trình giải quyết, nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền 1.400.000đ, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải hoàn trả lại chi phí tố tụng cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Điều 299, 317, 318, 319, 323 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng; Tranh chấp hợp đồng thế chấp tài sản”.

Ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền **1.871.076.291đ** (Một tỷ, tám trăm bảy mươi một triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi một đồng) bao gồm **1.616.011.340đ** (Một tỷ, sáu trăm mười sáu triệu, không trăm mười một nghìn, ba trăm bốn mươi đồng) nợ gốc và lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **201.809.305đ** (Hai trăm lẻ một triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, ba trăm lẻ năm đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **53.255.646đ** (Năm mươi ba triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng), cụ thể:

1.1. Đối với thoả thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01 ngày 13/12/2024: Ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền **1.637.581.779đ** (Một tỷ, sáu trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi một nghìn, bảy trăm bảy mươi chín đồng) bao gồm **1.450.000.000đ** (Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng) nợ gốc; lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **110.499.976đ** (Một trăm mười triệu, bốn trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **69.480.822đ** (Sáu mươi chín triệu, bốn trăm tám mươi nghìn, tám trăm hai mươi hai đồng), lãi chậm trả tính đến ngày 03/4/2026 là **7.600.981đ** (Bảy triệu, sáu trăm nghìn, chín trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 03/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S, ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S theo mức lãi suất trong thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01 ngày 13/12/2024 mà các bên đã ký kết.

1.2. Đối với Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2022: Ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền **77.835.126đ** (Bảy mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm hai mươi sáu đồng) bao gồm **55.951.244đ** (Năm mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi một nghìn, hai trăm bốn mươi bốn đồng) nợ gốc, lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **14.589.255đ** (Mười bốn triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **7.294.627đ** (Bảy triệu, hai trăm chín mươi bốn nghìn, sáu trăm hai mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 03/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S, ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S theo mức lãi suất trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2022.

Trường hợp ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ theo thoả thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 202327353809/01 ngày 13/12/2024 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/5/2022 cho Ngân hàng TMCP S, thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.920m² thuộc thửa đất số 18, tờ bản đồ số 09 toạ lạc tại xã Sơn Mỹ, huyện Hàm Tân cũ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 901325 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 17/8/2000, cập nhật biến động sang tên bà Nguyễn Thị T1 ngày 09/9/2019 và toàn bộ tài sản hình thành trên đất là hàng rào tường xây gạch có trát, trên có gắn khung sắt cao trên 1,5m và hàng rào gạch tấp lô; 02 căn nhà 01 tầng; 05 nhà tạm móng đá, mái lợp tôn, tường xây gạch nền xi măng; 03 chuồng heo; 02 nhà vệ sinh; 04 chòi lá trụ gỗ nền gạch; 05 mái che khung sắt tiền chế bằng tôn có trụ; 01 vòm che mái lợp tôn xi măng, tường gạch không trát; 02 cây cảnh lai; 05 cây sao; 09 cây bàng thái lan; 02 bụi tre; 08 cây xà cừ; 16 cây dừa; 04 cây mai để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp nhưng không đủ để thanh toán các khoản nợ thì ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh phải tiếp tục liên đới thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

1.3. Đối với hợp đồng tín dụng số LD0000497939 ngày 05/6/2024: Ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền **55.762.350đ** (Năm mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm năm mươi đồng) bao gồm số tiền gốc là **39.250.661đ** (Ba mươi chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi một đồng), lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **11.007.793đ** (Mười một triệu, không trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm chín mươi ba đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **5.503.896đ** (Năm triệu, năm trăm lẻ ba nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 03/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S, ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số LD0000497939 ngày 05/6/2024 mà các bên đã ký kết.

1.4. Đối với hợp đồng tín dụng số LD0000500381 ngày 10/6/2024: Ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền **50.213.752đ** (Năm mươi triệu, hai trăm mười ba nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng) bao gồm số tiền gốc là **35.345.000đ** (Ba mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn), lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **9.912.501đ** (Chín triệu, chín trăm mười hai nghìn, năm trăm lẻ một đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **4.956.251đ** (Bốn triệu, chín trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi một đồng)

Kể từ ngày tiếp theo ngày 03/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S, ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh phải tiếp tục trả

lãi cho Ngân hàng TMCP S theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số LD0000500381 ngày 10/6/2024 mà các bên đã ký kết.

1.5. Đối với hợp đồng tín dụng số LD0000638000 ngày 29/11/2024: Ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền **40.646.292đ** (Bốn mươi triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm chín mươi hai đồng) bao gồm số tiền gốc là **28.724.435đ** (Hai mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn, bốn trăm ba mươi lăm đồng), lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **7.947.905đ** (Bảy triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm lẻ năm đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **3.973.952đ** (ba triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 03/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S, ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số LD0000638000 ngày 29/11/2024 mà các bên đã ký kết.

1.6. Đối với hợp đồng tín dụng số LD0000685817 ngày 25/01/2025: Ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền **9.036.992đ** (Chín triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng) bao gồm số tiền gốc là **6.740.000đ** (Sáu triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn đồng), lãi trong hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **1.531.328đ** (Một triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, ba trăm hai mươi tám đồng), lãi quá hạn tính đến ngày 03/4/2026 là **765.664đ** (Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 03/4/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S, ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số LD0000685817 ngày 25/01/2025 mà các bên đã ký kết.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp Nh phải liên đới hoàn trả lại số tiền 1.400.000đ (Một triệu bốn trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng TMCP S.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí:

- Ông Trương Thế N và bà Võ Thị Diệp N phải chịu 68.132.289đ (Sáu mươi tám triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, hai trăm tám mươi chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 30.516.600đ đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0001922 ngày 06/8/2025 và 1.755.247đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0002064 ngày 28/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 15 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Thị Thùy Trang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quang

Nguyễn Mạnh Quân

Nguyễn Thị Thùy Trang

